

Bản án số: 06/2020/DS-ST
Ngày 10 - 02 - 2020
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 10 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 424/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1972

Cư trú tại: ấp Văn Luyên, xã N, huyện Đ, tỉnh C. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Tô Thúy H và ông Đoàn Văn T

Cùng cư trú tại: ấp Văn Luyên, xã N, huyện Đ, tỉnh C. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2019, lời trình bày trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Bà làm chủ hụi bà H và ông T có tham gia các dây hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất: Mở ngày 30/6/2017al, loại hụi 300.000 đồng, nửa tháng khai một lần, gồm có 48 chung, vợ chồng ông Thắng tham gia 01 chung. Chung hụi này, vợ chồng ông T đóng được 01 lần hụi sống số tiền 240.000 đồng, đến lần thứ hai bỏ 80.000 đồng, hốt số tiền 10.120.000 đồng (trừ tiền cò 300.000 đồng). Sau khi hốt, vợ chồng ông T có đóng hụi chết, đến nay còn nợ lại 06 lần chưa đóng tương đương số tiền 1.800.000 đồng, hụi này đã mãn.

Dây hụi thứ hai: Mở ngày 30/8/2017al, loại hụi 500.000 đồng, nửa tháng khai một lần, gồm có 48 chung, vợ chồng ông T tham gia 04 chung. Chung hụi thứ nhất: Vợ chồng ông T bỏ 90.000 đồng, hốt lần đầu được số tiền 18.400.000 đồng

(trừ tiền còn 400.000 đồng). Chung thứ hai: Vợ chồng ông T đóng được 01 lần hội sống số tiền 410.000 đồng đến lần thứ hai bỏ 110.000 đồng, hót số tiền 18.040.000 đồng (trừ tiền còn 400.000 đồng). Chung thứ ba: Vợ chồng ông T đóng được 03 lần hội sống (lần 1 đóng 410.000 đồng, lần 2 đóng 390.000 đồng, lần 3 đóng 385.000 đồng) đến lần thứ 4 bỏ 125.000 đồng, hót số tiền 17.600.000 đồng (trừ tiền còn 400.000 đồng). Chung thứ tư: Vợ chồng ông T đóng được 08 lần hội sống (lần 1 đóng 410.000 đồng, lần 2 đóng 390.000 đồng, lần 3 đóng 385.000 đồng, lần 4 đóng 375.000 đồng, lần 5 đóng 355.000 đồng, lần thứ 6 đóng 365.000 đồng, lần 7 đóng 425.000 đồng và lần thứ 8 đóng 400.000 đồng) đến lần thứ 9 bỏ 90.000 đồng, hót số tiền 19.540.000 đồng (trừ tiền còn 400.000 đồng). Dây hội này, vợ chồng ông T còn nợ lại 13 lần chưa đóng tương đương số tiền $13 \times 4 \times 500.000$ đồng = 26.000.000 đồng, hội này đã mãn.

Dây hội thứ ba: Mở ngày 30/01/2018al, loại hội 300.000 đồng, nửa tháng khai một lần, gồm có 54 chung, vợ chồng ông T tham gia 01 chung. Chung hội này, vợ chồng ông T đóng được 01 lần hội sống số tiền 240.000 đồng đến lần thứ hai bỏ 80.000 đồng, hót số tiền 11.440.000đ (trừ tiền còn 300.000 đồng). Sau khi hót, vợ chồng ông T có đóng hội chết được 24 lần với số tiền 7.200.000 đồng, đến nay còn nợ lại 30 lần chưa đóng tương đương số tiền 9.000.000 đồng, hội này đến ngày 15/4/2020al mãn.

Dây hội thứ tư: Mở ngày 30/5/2018al, loại hội 500.000 đồng, nửa tháng khai một lần, gồm có 59 chung, vợ chồng ông T tham gia 03 chung. Chung hội thứ nhất: Vợ chồng ông T bỏ 100.000 đồng, hót lần đầu được số tiền 22.800.000 đồng (trừ tiền còn 400.000 đồng). Chung thứ hai: Vợ chồng ông T đóng được 01 lần hội sống số tiền 400.000 đồng đến lần thứ hai bỏ 150.000 đồng, hót số tiền 20.050.000 đồng (trừ tiền còn 400.000 đồng). Chung thứ ba: Vợ chồng ông T đóng được 02 lần hội sống (lần 1 đóng 400.000đ, lần 2 đóng 350.000 đồng) đến lần 3 thì bỏ 160.000 đồng, hót số tiền 19.640.000 đồng (trừ tiền còn 400.000 đồng). Hội này, vợ chồng ông T đóng được 17 lần hội chết với số tiền 25.500.000 đồng, còn nợ lại 42 lần chưa đóng tương đương số tiền $42 \times 3 \times 500.000$ đồng = 63.000.000 đồng, hội này đến ngày 30/10/2020al mãn.

Dây hội thứ năm: Mở ngày 30/8/2018al, loại hội 500.000 đồng, nửa tháng khai một lần, gồm có 49 chung, vợ chồng ông T tham gia 03 chung. Chung hội thứ nhất: Vợ chồng ông T bỏ 130.000 đồng, hót lần đầu được số tiền 17.360.000 đồng (đã trừ tiền còn 400.000 đồng). Chung thứ hai: Vợ chồng ông T đóng được 01 lần hội sống số tiền 370.000 đồng đến lần thứ hai bỏ 135.000 đồng, hót số được tiền 17.255.000 đồng. Chung thứ ba: Vợ chồng ông T đóng được 02 lần hội sống (lần 1 đóng 370.000 đồng, lần 2 đóng 365.000 đồng) đến lần thứ 3 bỏ 135.000 đồng, hót được số tiền 17.390.000 đồng. Dây hội này, vợ chồng ông T đóng hội chết được 15.000.000 đồng, còn nợ lại 39 lần chưa đóng tương đương số tiền $39 \times 3 \times 500.000$ đồng = 58.500.000 đồng. Dây hội này đến ngày 30/8/2020al mãn.

Dây hội thứ sáu: Mở ngày 30/01/2019al, loại hội 500.000 đồng, nửa tháng khai một lần, gồm có 52 chung, vợ chồng ông T tham gia 03 chung. Chung hội thứ nhất: Vợ chồng ông T bỏ 90.000 đồng, hót lần đầu được số tiền 20.510.000 đồng. Chung thứ hai và chung thứ ba: Vợ chồng ông T đóng được 01 lần hội sống số tiền

410.000 đồng, đến lần thứ hai bỏ 100.000 đồng, hót hai chung, mỗi chung số tiền 20.100.000 đồng. Dây hui này, vợ chồng ông T đóng hui chết được 03 lần với số tiền 4.500.000 đồng, còn nợ lại 49 lần chưa đóng tương đương số tiền $49 \times 3 \times 500.000$ đồng = 73.500.000 đồng, hui này đến ngày 15/3/2021 al mãn.

Bà nhiều lần yêu cầu bà H và ông T g trả tiền hui nhưng bà H và ông T hứa hết lần này đến lần khác, nhưng không thực hiện việc trả nợ cho bà. Nay, bà yêu cầu ông Đoàn Văn T và bà Tô Thúy H trả cho bà tổng số tiền hui còn nợ 06 dây hui số tiền là 231.800.000 đồng.

Tại phiên tòa bà Quýt yêu cầu ông Đoàn Văn T và bà Tô Thúy H trả cho bà tổng số tiền hui còn nợ 06 dây hui đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/02/2020).

Đối với bị đơn bà Tô Thúy H và ông Đoàn Văn T : Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà H và ông T theo quy định của pháp luật nhưng bà H và ông T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Q .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Tô Thúy H và ông Đoàn Văn T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông T .

[2] Về quan hệ tranh chấp: Việc bà Nguyễn Thị Q khởi kiện yêu cầu bà Tô Thúy Hằng và ông Đoàn Văn T trả cho bà tổng số tiền hui còn nợ 06 dây hui đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/02/2020). Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp về giao dịch dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Q xác định vào các ngày 30/6/2017al, ngày 30/8/2017al, ngày 30/01/2018al, ngày 30/5/2018al, ngày 30/8/2018al và ngày 30/01/2019al bà có mở các dây hui 300.000 đồng và 500.000 đồng, bà H và ông T là hui viên tham gia giao dịch 06 dây hui và đã hót hết các dây hui đã tham gia, sau khi hót vợ chồng bà H và ông T không đóng đủ hui chết cho bà.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Q thấy rằng, bà Q mở các dây hui như sau:

Dây 1: Mở ngày 30/6/2017al, hui 300.000 đồng, tháng khui 02 kỳ, gồm 48 chung, vợ chồng bà H và ông T tham gia 01 chung. Vào ngày 15/7/2017al bà H và ông T bỏ 80.000 đồng hót số tiền 10.120.000 đồng (đã trừ tiền cò 300.000 đồng). Sau khi hót, vợ chồng H và ông T còn nợ 06 lần hui số tiền 06×300.000 đồng = 1.800.000 đồng, hui đã mãn.

Dây 2: Mở ngày 30/8/2017 al, loại hui 500.000 đồng, tháng khui 02 kỳ, gồm 48 chung, vợ chồng H và ông T tham gia 04 chung. Sau khi hót 04 chung hui, vợ chồng H và ông T còn nợ lại tiền hui 13 lần số tiền $13 \times 4 \times 500.000$ đồng = 26.000.000 đồng, hui đã mãn.

Dây 3: Mở ngày 30/01/2018 al, loại hui 300.000 đồng, tháng khui 02 kỳ, gồm

54 chung, vợ chồng H và ông T tham gia 01 chung. Vào ngày 15/02/2018 al H và ông T bỏ 80.000 đồng hót số tiền 11.440.000 đồng. Sau khi hót, vợ chồng bà H và ông T còn nợ lại tiền hội 30 lần số tiền 30×300.000 đồng = 9.000.000 đồng, hội mãi vào ngày 15/4/2020al. Dây hội này bà H và ông T vi phạm nghĩa vụ nộp hội đến ngày xét xử (10/02/2020) là 24 lần $\times 300.000$ đồng = 7.200.000 đồng.

Dây 4: Mở ngày 30/5/2018 al, loại hội 500.000 đồng, tháng khui 02 kỳ, gồm 59 chung, vợ chồng bà H và ông T tham gia 03 chung. Sau khi hót hội, vợ chồng bà H và ông T còn nợ lại tiền hội 42 lần số tiền $42 \times 3 \times 500.000$ đồng = 63.000.000 đồng, hội mãi vào ngày 30/10/2020al. Dây hội này bà H và ông T vi phạm nghĩa vụ nộp hội đến ngày xét xử (10/02/2020) là 23 lần $\times 3$ chung $\times 500.000$ đồng = 34.500.000 đồng.

Dây 5: Mở ngày 30/8/2018 al, loại hội 500.000 đồng, tháng khui 02 kỳ, gồm 49 chung, vợ chồng bà H và ông T gia 03 chung. Sau khi hót 03 chung hội, vợ chồng bà H và ông T còn nợ lại tiền hội 39 lần số tiền $39 \times 3 \times 500.000$ đồng = 58.500.000 đồng, hội mãi vào ngày 30/8/2020al. Dây hội này bà H và ông T vi phạm nghĩa vụ nộp hội đến ngày xét xử (10/02/2020) là 24 lần $\times 3$ chung $\times 500.000$ đồng = 36.000.000 đồng.

Dây 6: Mở ngày 30/01/2019 al, loại hội 500.000 đồng, tháng khui 02 kỳ, gồm 52 chung, vợ chồng bà H và ông T tham gia 03 chung. Sau khi hót 03 chung hội, vợ chồng bà H và ông T còn nợ lại tiền hội 49 lần số tiền $49 \times 3 \times 500.000$ đồng = 73.500.000 đồng, hội mãi vào ngày 15/3/2021al. Dây hội này bà H và ông T vi phạm nghĩa vụ nộp hội đến ngày xét xử (10/02/2020) là 21 lần $\times 3$ chung $\times 500.000$ đồng = 31.500.000 đồng.

Căn cứ các tờ xác nhận ngày 03/01/2020 của Nguyễn Hữu H , sinh năm 1984; Nguyễn Hữu C , sinh năm 1991; Diệp Công H , sinh năm 1980; Trương Văn L , sinh năm 1969; Nguyễn Hữu O h, sinh năm 1980; Dương Văn D , sinh năm 1966; Huỳnh Phương sinh năm 1968; Phan Thị Đ , sinh năm 1969; Lê Hoàng T , sinh năm 1963; Hồ Quốc T , sinh năm 1967; Huỳnh Văn S , sinh năm 1969 và Huỳnh Văn T , sinh năm 1981 cùng cư trú tại ấp V , xã N , huyện Đ là những hội viên cùng bà H và ông T tham gia trong các dây hội xác định. Bà H và ông T có tham gia các dây hội 300.000 đồng và 500.000 đồng do bà Q làm chủ, mở các ngày 30/6/2017al, ngày 30/8/2017al, ngày 30/01/2018al, ngày 30/5/2018al, ngày 30/8/2018al và ngày 30/01/2019. Trong quá trình tham gia hội, khi đi bỏ hội các ông bà có thấy vợ chồng bà H và ông T đi bỏ hội và vợ chồng bà H và ông T đã hót tất các các dây hội đã tham gia. Cũng như, tại khoản 2 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP quy định “...Trong trường hợp thành viên không góp phần họ, chủ họ đã góp các phần họ thay cho thành viên đó thì thành viên phải trả cho chủ họ các phần họ chậm trả và khoản lãi đối với các phần họ chậm trả. Mức lãi do các bên thoả thuận, nếu không có thoả thuận hoặc không thoả thuận được thì áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả các phần họ...” Viển dẫn từ điều luật trên cho thấy bà H và ông T đã vi phạm nghĩa nộp hội (họ).

Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “...Một bên

đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết...mà bên đương sự đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh... ”. Viền dẫn theo điều luật trên, tư khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H và ông T nhiều lần để tham gia giải quyết vụ án, nhưng bà H và ông T không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ đối với yêu cầu của bà Q nên bà phải chịu thiệt hại về sự vắng mặt của mình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q. Buộc bà Tô Thúy H và ông Đoàn Văn T trả cho bà Q số tiền 06 dây hui còn thiếu đến ngày xét xử (10/02/2020) tổng số tiền 137.000.000 đồng (hui ngày 30/6/2017al số tiền 1.800.000 đồng + hui ngày 30/8/2017al số tiền 26.000.000 đồng + hui ngày 30/01/2018al số tiền 7.200.000 đồng + hui ngày 30/5/2018al số tiền 34.500.000 đồng + hui ngày 30/8/2018al số tiền 36.000.000 đồng và ngày 30/01/2019al số tiền 31.500.000 đồng) mà bà Q đã nộp hui thay cho bà H và ông T.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà H và ông T phải chịu số tiền là 6.850.000 đồng. (137.000.000 đồng x 5%)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 92, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phurong;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q.

Buộc bà Tô Thúy H và ông Đoàn Văn T phải trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền 06 dây hui còn thiếu đến ngày xét xử (10/02/2020) tổng số tiền là 137.000.000 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Quýt 2.935.000 đồng (hai triệu chín trăm ba mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0009997 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Bà Tô Thúy H và ông Đoàn Văn T phải chịu 6.850.000 đồng (sáu triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.